

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 9 - 2020

V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2020/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 77/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy K, sinh năm 1986 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phùng Thị H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau.

- Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1945 (vắng mặt)

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thúy K, là nguyên đơn; anh Huỳnh Văn H, là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-8-2019, đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 30-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy K trình bày:

Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử tại bản án số: 76/2019/HNGĐ – ST ngày 05/7/2019, tuy nhiên, phần tài sản chung của vợ chồng chưa được giải quyết. Các tài sản chung gồm: Phần đất thổ cư diện tích 287,9 m² thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 11, tại khóm 6, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, do anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có căn nhà cấp 4, ngang 08m, dài hơn 40m, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng năm 2012, giá khi xây dựng là 450.000.000 đồng; về vị trí, kích thước của phần đất này chị K thống nhất với kết quả đo đạc theo mảnh trích đo địa chính ngày 07/9/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thới Bình nên chị không yêu cầu đo đạc lại. Phần đất diện tích 229,1m² thuộc thửa số 74, tờ bản đồ số 11, tại khóm 6, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau, do chị và anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích 11.800,11m² thuộc thửa số 627, tờ bản đồ số 3, tại ấp 4, xã Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau, do anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Nợ mẹ ruột là bà H số tiền 320.000.000 đồng, nợ cha ruột của anh H là ông M số tiền 30.000.000 đồng, nợ anh ruột của anh H là anh T số tiền 25.000.000 đồng.

Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Giao phần đất thổ cư diện tích 287,9m² cho anh H quản lý, sử dụng nhưng anh H phải hoàn lại cho chị số tiền là 300.000.000 đồng. Trường hợp, anh H không đồng ý thì chị yêu cầu quản lý tài sản này và chị hoàn lại cho anh H giá trị theo biên bản định giá số 07/ĐG ngày 24/02/2020 của Hội đồng định giá huyện Thới Bình.

- Phần đất diện tích 229,1m² do chị và anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích 11.800,11m² thuộc thửa số 627, tờ bản đồ số 3, tại ấp 4, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, do anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị K rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phần tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ bà H, ông M, anh T để những người này yêu cầu chị không có ý kiến; phần nợ ngân hàng Sacombank chi nhánh Thới Bình chị K đã thanh toán xong,

phần ông Hậu, bà Vân nợ đã được Tòa án giải quyết xong chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn ý kiến ngày 07-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn H trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của chị K. Phần tài sản chưa được giải quyết, anh và chị K có các tài sản chung gồm: Phần đất thổ cư ngang 10m, dài 25m, diện tích 229,1 m² thuộc thửa số 74, tờ bản đồ số 11, căn nhà cấp 4, ngang 4,2m, dài hơn 17,5m, nhà bê tông cốt thép, xây năm 2012, giá khi cất là 250.000.000 đồng tại khóm 6, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau và các thành quả lao động khác như: Sân xi măng, hàng rào. Phần đất anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, về căn nhà anh yêu cầu được quản lý, sử dụng và thống nhất hoàn lại cho chị K số tiền 100.000.000 đồng. Các thành quả lao động khác nói trên anh yêu cầu được quản lý, anh thống nhất hoàn lại cho chị K $\frac{1}{2}$ giá trị theo biên bản định giá số 07/ĐG ngày 24/02/2020 của Hội đồng định giá huyện Thới Bình. Ngoài ra, anh và chị K có khoản tiền đã được Tòa án giải quyết, đang được thi hành án khoảng trên 100.000.000 đồng, số tiền này anh không yêu cầu giải quyết, anh thống nhất để cho chị K nhận để nuôi con.

Về tài sản riêng: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 11 diện tích 287,9 m², tại khóm 6, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau (trên đất có căn nhà nói trên), anh không yêu cầu đo đạc lại. Phần đất này do anh Huỳnh Văn Hòa, chị Đặng Ngọc Vẽ cho riêng anh. Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 11.800,11m² là ông M cho riêng anh. Các thửa đất này hiện anh đứng tên và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là tài sản riêng của anh nên không chấp nhận phân chia.

Về khoản nợ bà H là số tiền 320.000.000 đồng anh không biết nên không thống nhất thanh toán. Nợ ông M 30.000.000 đồng, anh T 25.000.000 đồng anh yêu cầu anh và chị K mỗi người thanh toán $\frac{1}{2}$.

Bà Phùng Thị H trình bày:

Khi anh H và chị K cất nhà, bà có cho chị K và anh H mượn tổng số tiền là 320.000.000 đồng, cụ thể như sau: Lần đầu anh H và chị K trực tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24k; lần thứ 2 và thứ 3 chị K trực tiếp đến nhận, hai lần này bà không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền. Bà không yêu cầu anh H và chị K thanh toán số tiền nói trên.

Ông Huỳnh Văn M trình bày: Hiện tại anh H và chị K còn nợ ông số tiền 30.000.000 đồng nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 77/2020/HNGĐ-ST ngày 18/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà. Buộc chị K giao lại cho anh H căn nhà xây dựng trên phần đất 287,9m². Buộc anh H giao lại cho chị K ½ giá trị các tài sản nói trên số tiền 107.433.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc yêu cầu phân chia thừa đất số 90, giao cho anh H quản lý, sử dụng thừa đất số 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² do anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 998633, cấp ngày 16/10/2015.

Buộc anh H hoàn lại cho chị K chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tổng số tiền 750.000 đồng.

Trường hợp anh H chậm thanh toán thì phải chịu lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị K phải chịu số tiền 5.372.000 đồng, anh H phải chịu số tiền 7.325.000 đồng. Ngày 16/8/2019 chị K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.489.000 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010633 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, chị K được nhận lại số tiền 2.117.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 29/6/2020 chị K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm với nội dung: nhà gắn liền với đất là tài sản chung được cha mẹ chồng tặng cho, chị yêu cầu nhận nhà đất để ở nuôi con và yêu cầu định giá lại tài sản để đảm bảo khách quan.

- Ngày 30/6/2020 anh H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm với nội dung: về chia tài sản theo định giá nhà, sân, hàng rào tổng trị giá là 165.000.000đ chia mỗi người ½ thì anh chỉ giao cho chị K số tiền 82.500.000đ và yêu cầu xem xét về phần án phí có giá ngạch.

- Ngày 30/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình có kháng nghị theo hướng sửa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K đối với phần đất thuộc thửa 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² do anh H đứng tên là tài sản chung của vợ chồng. Chị K được chia 2/3 giá trị các loại tài sản kể cả phần đất. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về chia tài sản chung phần đất 287,9m² bà tài sản chung, K được hưởng 2/3 giá trị tài sản.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về nội dung QSD đất 278,9m² là tài sản chung, được nhận nhà đất và giao lại anh H 300.000.000 đồng; đối với kháng cáo về yêu cầu định giá lại tài sản, chị K rút yêu cầu này vì chị mong

muốn nhận nhà, đất; trường hợp chị hoặc anh H được nhận tài sản nhà, đất thì giao lại giá trị 300.000.000 đồng.

Bị đơn trình bày: Đồng ý với quyết định của án sơ thẩm nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, chấp nhận một phần kháng cáo của chị K, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình; sửa bản án sơ thẩm số 77/2020/HNGĐ-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, theo hướng: Công nhận phần đất có diện tích 287m², tọa lạc tại khóm 6, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau là tài sản chung của vợ chồng; chia cho chị K được hưởng 40%, anh H được hưởng 60%. Giao căn nhà và đất trên cho chị K tiếp tục quản lý, sử dụng. Chị K có trách nhiệm hoàn lại cho anh H phần giá trị nhà và đất số tiền 300.000.000 đồng; Về án phí: tính lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 77/2020/HNGĐ-ST ngày 18/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định có nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà. Buộc chị K giao lại cho anh H căn nhà xây cất trên phần đất thuộc thửa 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² tại Khóm 6, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau. Buộc anh H giao lại cho chị K ½ giá trị tài sản với số tiền 107.433.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc yêu cầu phân chia thửa đất số 90, giao cho anh H quản lý, sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² do Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 998633, cấp ngày 16/10/2015.

Chị K kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng là phần đất 287.9m² chị được hưởng 2/3; anh H kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm về chia tài sản theo định giá nhà, sân, hàng rào tổng trị giá là 165.000.000đ chia ½ là 82.500.000đ và phần án phí; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình kháng nghị yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng là phần đất 287.9m² chị K được hưởng 2/3.

[2] Xét kháng cáo, kháng nghị

[2.1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thúy K: Chị K cho rằng quyền sử dụng đất có diện tích 287,9m² tại khóm 6, thị trấn Thới Bình (phần đất xây dựng nhà) là tài sản chung vì được cha mẹ chồng tặng cho; anh H trình bày QSD đất anh được tặng cho riêng là có căn cứ pháp lý, bởi lẽ: hồ sơ cấp quyền sử dụng đất thể hiện vợ chồng anh Huỳnh Văn Hòa, chị Đặng Ngọc Vẽ là anh ruột của anh H lập Hợp đồng tặng cho anh H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Huỳnh Văn H vào năm 2015. Song, phần đất này anh H chị K đã cất nhà ở từ năm 2012 loại nhà cấp 4. Việc anh H làm giấy đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị K hoàn toàn không hay biết. Tại tòa Chị K không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh H đồng ý nhập quyền sử dụng đất này thành tài sản chung của vợ chồng. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất thửa đất số 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² là tài sản riêng của anh H là có căn cứ.

Tuy nhiên, trên thực tế anh H, chị K quản lý, sử dụng trên phần đất này từ năm 2011 và xây cất nhà ở ổn định. Anh chị đã bồi đắp đất, tôn tạo trên phần đất, từ đó mới xây cất được nhà. Xét về công sức đóng góp làm tăng giá trị tài sản, chị K có công sức đóng góp nhiều hơn vào việc tăng giá trị quyền sử dụng đất, anh H có một khoảng thời gian đi học bác sỹ, phải chi xuất khoản tiền chi phí cho việc học tập, hơn nữa khi chia tài sản chung của vợ chồng cũng cần phải xem xét bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên, nếu chỉ chia ½ công bồi đắp đất là thiệt thòi quyền lợi cho chị K, mà phải tính chia cho chị K giá trị quyền sử dụng đất được hưởng 30% giá trị đất theo giá trị thực tế.

Đối với căn nhà: theo kết quả định giá thì giá trị nhà là 164.866.844 đồng, chị K cho rằng định giá thấp, chị K xác định nhà có giá trị 200.000.000đ. Theo như chị K khai, trong thời kỳ hôn nhân, anh H đi học bác sỹ phải tốn nhiều chi phí, cho nên mẹ ruột chị là bà Phùng Thị H cho tiền xây dựng nhà, anh H cũng thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2019, bà H có cho tiền xây nhà 100.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24k nhưng anh cho là quên, không nhớ bao nhiêu. Như vậy, xét về nguồn gốc tiền xây nhà do mẹ ruột chị K tặng cho với số lượng lớn gần đủ xây nhà, nếu chia đôi cũng ảnh hưởng đến quyền lợi của chị K trong khi chị phải trực tiếp nuôi con nhỏ, do đó chị K phải được nhận nhiều hơn anh H khi chia giá trị căn nhà.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện, chị K đã rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản là quyền sử dụng đất 229,1m² đất do chị K, anh H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất này được anh H thừa nhận tài sản chung thể hiện tại biên bản tự thỏa thuận lập ngày 20/11/2018 (năm 2018 anh chị xin ly hôn tại Tòa án huyện Thới Bình, yêu cầu chia tài sản nhưng sau đó rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản), cũng trong biên bản thỏa thuận này thì anh H quản lý

nhà, đất, và phải giao lại cho K 250.000.000đ, sau đó chị K có đơn rút lại sự thỏa thuận này vì thấy mình bị thiệt thòi.

Nhận thấy, nếu căn cứ vào giá của Hội đồng định giá huyện Thời Bình về giá trị của toàn bộ phần đất tranh chấp 39.065.000đ là ảnh hưởng quyền lợi của các bên đương sự, bởi vì từ năm 2018 hai đương sự thỏa thuận về phân chia tài sản và các tài liệu thể hiện trong hồ sơ thì giá trị đất thực tế cao hơn rất nhiều so với số tiền 39.065.000đ (trong khi tiền bồi đắp đất theo chị K xác nhận khoảng 100.000.000đ). Tại thời điểm năm 2018, các đương sự đã thỏa thuận đi đến thống nhất là anh H nhận toàn bộ nhà, đất giao cho chị K số tiền 250.000.000 đồng. Điều này cho thấy thời điểm thỏa thuận toàn bộ tài sản chung nhà và đất trị giá tương đương 500.000.000 đồng nên có thỏa thuận giao chị K 250.000.000 đồng nhưng chị K thay đổi ý kiến cho là có thiệt thòi quyền lợi. Với số tiền này xét thấy phù hợp với giá trị quyền sử dụng nhà, đất thực tế và tại phiên tòa phúc thẩm chị K trình bày nếu được nhận nhà, đất thì chị sẽ giao cho anh H 300.000.000 đồng. Lời khai của chị K là khách quan, phù hợp với thực tế và cũng như nhận định tại mục 2.1 khi chia tài sản chung của vợ chồng phải xem xét công sức đóng góp, tôn tạo, bảo quản giữ gìn và làm tăng giá trị tài sản nên chấp nhận số tiền 250.000.000 đồng, theo thỏa thuận trước đây là phù hợp.

Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của chị K về tăng giá trị được hưởng từ chia tài sản; không chấp nhận kháng cáo quyền sử dụng đất thửa đất số 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² là tài sản chung của vợ chồng.

Xét kháng cáo về nội dung yêu cầu định giá lại tài sản: Theo như chị K trình bày, tại cấp sơ thẩm định giá quyền sử dụng đất là 39.065.000 đồng, giá này rất thấp so với giá thị trường, do không am hiểu về pháp luật nên chị không có ý kiến về việc định giá; tại phiên tòa phúc thẩm, chị K xác định trường hợp chị hoặc anh H được nhận nhà, đất thì giao lại cho người còn lại 300.000.000 đồng, cho nên chị rút lại kháng cáo về nội dung định giá lại tài sản. Việc rút lại việc định giá kháng cáo không làm thay đổi nội dung của việc kháng cáo và là ý chí tự nguyện của đương sự. Căn cứ khoản 2 điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với rút kháng cáo định giá của chị K.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Huỳnh Văn H: Anh H trình bày theo kết quả định giá nhà, sân, hàng rào có tổng giá trị là 165.000.000 đồng, nếu chia đôi mỗi người được nhận 82.500.000 đồng, nhưng án sơ thẩm buộc anh giao cho chị K 107.433.000 đồng. Nhận thấy, giá trị nhà, sân, hàng rào bằng 164.866.844 đồng cộng thêm giá trị bồi đắp nền nhà 50.000.000 đồng bằng 214.866.844 : 2 = 107.433.000 đồng (làm tròn số); Ngoài ra, đơn kháng cáo của anh H có nêu án phí

có giá ngạch anh nộp nhiều hơn chị K, bởi vì tài sản anh được nhận nhiều hơn anh phải đóng án phí nhiều hơn là đúng.

Do án sơ thẩm không nhận định viện dân cụ thể về giá trị tài sản được phân chia và giá trị tài sản mỗi đương sự được chia để làm căn cứ tính án phí. Nên dẫn đến anh H khó hiểu, đương sự có sự nhầm lẫn, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nhưng lại giữ nguyên nội dung kháng cáo, điều này hoàn toàn mâu thuẫn. Vì vậy, kháng cáo của anh H không được chấp nhận.

[2.3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình.

Kháng nghị theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K đối với phần đất thuộc thửa 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² do anh H đứng tên là tài sản chung của vợ chồng. Chị K được chia 2/3 giá trị các loại tài sản kể cả phần đất. Như đã phân tích trên, đối với kháng cáo của chị K, Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất là tài sản riêng của anh H. Đối với kháng nghị về tăng giá trị khi chia tài sản cho chị K được chấp nhận. Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau giao nhà, đất cho chị K quản lý sử dụng, chị K giao lại cho anh H 300.000.000 đồng; tuy nhiên, Hội đồng xét xử chia cho chị K được nhận giá trị bằng 250.000.000 đồng như những phân tích trên.

[3] Về án phí

[3.1] Án phí sơ thẩm: Do có thay đổi về số tiền được chia tài sản nên phần án phí được xác định lại như sau: chị K được nhận giá trị bằng 250.000.000 đồng x 5% = 12.500.000 đồng, được khấu trừ phần dự nộp tạm ứng án phí. Anh H được nhận phần đất trị giá 39.065.000 đồng và 1/2 giá trị nhà, sân, hàng rào, giá trị bồi đắp nền nhà là 107.433.000 đồng. Như vậy, anh H phải chịu án phí trên số tài sản được nhận là 146.498.000 đồng x 5% = 7.325.000 đồng tiền án phí.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Chị K không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại; anh H phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị K về tăng giá trị chia tài sản, không chấp nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh H; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình là tăng giá trị tài sản chị K được hưởng, không chấp nhận kháng nghị quyền sử dụng đất là tài sản chung. Sửa một phần bản án sơ thẩm hôn nhân gia đình số: 77/2020/HNGĐ-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

[5] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 289; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thúy K về việc rút lại phần định giá tài sản phần đất tranh chấp.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị K về tăng giá trị chia tài sản, không chấp nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh H; chấp nhận một phần kháng nghị về tăng giá trị tài sản chị K được hưởng, không chấp nhận kháng nghị quyền sử dụng đất là tài sản chung. Sửa bản án sơ thẩm hôn nhân gia đình số: 77/2020/HNGĐ-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy K về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là căn nhà và được hưởng một phần giá trị quyền sử dụng đất.

Buộc chị K giao lại cho anh H căn nhà kích thước 4,1m x 11,7m, nhà sau kích thước 6,7m x 6,2 m, kết cấu bê tông, cốt thép, mái lợp tol, nền lát gạch men, vách tường, ốp gạch men 1,3m; sân trán xi măng diện tích 123m² và hàng rào bao quanh nhà tại khóm 6, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Buộc anh Huỳnh Văn H giao lại giá trị từ chia tài sản cho chị Nguyễn Thúy K là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Chị K được nhận từ anh H số tiền chia tài sản là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về phần đất diện tích 287,9m² là tài sản chung. Giao cho anh H quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 90, tờ bản đồ số 11, diện tích 287,9m² (có 92m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông), vị trí: Mặt tiền giáp lộ Thới Bình – T Bằng, mặt hậu giáp ông Út Mười, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp anh Huỳnh Văn T, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp anh Nguyễn Hoàng Dân do Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 998633, cấp ngày 16/10/2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh H hoàn lại cho chị K chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tổng số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị K phải chịu số tiền 12.500.000 đồng, ngày 16/8/2019 chị K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.489.000 đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010633 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, chị K phải nộp tiếp 5.011.000 đồng.

Anh H phải chịu số tiền 7.325.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm: chị K không phải chịu, ngày 01/7/2020 đã dự nộp số tiền 300.000đ tại biên lai số 0011316 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại. Anh H phải chịu 300.000đ ngày 30/6/2020 đã dự nộp số tiền 300.000đ tại biên lai số 0011311 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hùng Quang

